

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST.  
Ngày 21-6-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Hùng;

Ông Tạ Kỳ Trung.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2022/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Vương Nhật N, sinh năm 1985; có mặt.

Cư trú tại: khu phố C, phường G, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Mai T, sinh năm 1985; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố C, phường G, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: khu phố H, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn - anh Vương Nhật N trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Mai T chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Trảng Bàng (nay là phường G, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại nhà riêng của anh tại khu phố C, phường G, thị xã Trảng Bàng, anh làm thợ sửa chữa máy tính, chị T làm công nhân. Vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 do giữa vợ, chồng có nhiều bất đồng quan điểm về cuộc sống, thường xuyên gây gổ nhau vì kinh tế gia đình và việc nuôi dạy con cái nên đã tự ly thân từ năm 2018 đến nay. Từ khi ly thân, chị T đã dọn ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống, thỉnh thoảng anh có đến thăm con và vợ chồng đã nhiều lần đặt vấn đề đoàn tụ nhưng không thể hàn gắn, chung sống lại với nhau. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: vợ chồng anh có 01 con chung tên Vương Anh K, sinh ngày 07-01-2015, cháu K rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh, hiện cháu K đang theo sống cùng với chị T. Khi ly hôn anh đồng ý để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng anh không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - chị Nguyễn Mai T trình bày:*

Chị thống nhất với lời trình bày của anh N về thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn và nơi chung sống sau khi kết hôn. Vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2016 nguyên nhân là do anh N không thường xuyên quan tâm, lo lắng cho vợ, con, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và việc nuôi dạy con cái, thường xuyên gây gổ nhau; giữa chị và gia đình anh N cũng xảy ra mâu thuẫn, không thể chung sống hòa hợp với nhau. Vợ chồng chị đã tự ly thân từ năm 2018, chị đã thuê nhà trọ sống tại khu phố H, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến nay. Nay chị không đồng ý ly hôn với anh N vì chị vẫn còn tình cảm đối với anh N.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung tên Vương Anh K, sinh ngày 07-01-2015, cháu K rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh, hiện cháu K đang theo sống cùng với chị. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Vương Nhật N đối với chị Nguyễn Mai T. Anh N được ly hôn chị T.

Về con chung: giao cháu Vương Anh K, sinh ngày 07-01-2015 cho chị Nguyễn Mai T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: anh N, chị T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: anh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Mai T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh N, chị T chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ, chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 do giữa vợ, chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, kinh tế gia đình, việc nuôi dạy con nên thường xuyên gây gổ nhau và vợ chồng anh N, chị T đã tự ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay anh N yêu cầu được ly hôn chị T nhưng chị T không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ cùng anh N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, triệu tập họp lệ chị T nhiều lần để tham gia hòa giải nhưng chị T đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, cho thấy tuy chị T không đồng ý ly hôn nhưng không có thiện chí hàn gắn cùng anh N. Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng anh N, chị T đã ly thân từ năm 2018 đến nay, chị T sống tại nhà trọ thuộc khu phố H, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Anh N vẫn sống tại khu phố C, phường G. Trong quá trình ly thân, thỉnh thoảng anh N có đến thăm chị T nhưng vợ chồng không chung sống lại với nhau. Như vậy, cho thấy đời sống hôn nhân của anh N, chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ giữa anh N, chị T đã không còn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình,

chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N đối với chị T, cho anh N được ly hôn chị T là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: cháu Vương Anh K, sinh ngày 07-01-2015 hiện đang theo sống cùng với chị T, cháu K rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K. Xét thấy, từ khi anh N, chị T ly thân, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, cháu phát triển rất tốt về thể chất lẫn tinh thần. Bên cạnh đó, cháu K có nguyện vọng theo sống cùng với mẹ khi cha, mẹ ly hôn. Tại phiên tòa, anh N cũng đồng ý giao cháu K cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu K cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: anh N, chị T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Vương Nhựt N đối với chị Nguyễn Mai T.

Anh Vương Nhựt N được ly hôn chị Nguyễn Mai T.

2. Về con chung:

Giao cháu Vương Anh K, sinh ngày 07-01-2015 cho chị Nguyễn Mai T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: anh N, chị T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: anh Vương Nhật N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026447 ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Anh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: anh N có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường G;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Minh Thư**